TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **42**/2023/DS-ST
Ngày: 25-5-2023
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chiêm Ngọc Linh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đào Khel.
2. Bà Nguyễn Bạch Nhạn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Ngọc Hân – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Ngọc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25/5/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 211/2022/TLST-DS ngày 18/11/2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2023/QĐXXST-DS ngày 14/4/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị A, sinh năm 1952 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện P, tỉnh Sóc Trăng.
2. Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Bích Đ (tên gọi khác: M), sinh năm 1972 (vắng mặt).
Địa chỉ: Đường Đ, khóm B, phường G, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.
3. Người làm chứng:
- Bà Tô Thị Hồng K, sinh năm 1950 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện P, tỉnh Sóc Trăng.
- Bà Nguyễn Thị Mai, sinh năm 1951 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện P, tỉnh Sóc Trăng.
- Bà Dương Thị Ngọc Đ, sinh năm 1957 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện P, tỉnh Sóc Trăng.
- Bà Lâm Thu L, sinh năm 1962 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện P, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

– Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Thị A trình bày: Vào năm 2019, bà A có làm chủ dây hụi 2.000.000 đồng, mỗi tháng mở hụi một lần, đa số những người chơi hụi đều là

người thân, bà con hàng xóm và con cháu của bà A trong đó có bà Huỳnh Thị Bích Đ. Bà Đ tham gia 05 dây hụi và tham gia 18 phần, cụ thể:

1/ Dây hụi thứ nhất: Hụi 2.000.000 đồng, mở hụi ngày 10/4/2019 âm lịch, có 33 người tham gia, chia làm 33 kỳ. Bà Đ chơi 03 chưng. Hụi mãn ngày 10/4/2022 âm lịch. Bà Đ hốt lần thứ nhất vào ngày 10/5/2019, ra lời 620.000 đồng, hốt được 43.780.000 đồng; hốt lần hai vào ngày 10/8/2019, ra lời 750.000 đồng, hốt được 38.750.000 đồng; hốt lần ba vào ngày 10/12/2019, ra lời 830.000 đồng, hốt được 43.080.000 đồng. Tổng cộng hốt được 125.610.000 đồng.

Số lần hụi chết bà Đ không đóng là 05 lần x 03 chưng x 2.000.000 đồng = **30.000.000 đồng** (Ba mươi triệu đồng).

2/ Dây hụi thứ hai: Hụi 2.000.000 đồng, mở hụi ngày 30/9/2019 âm lịch, có 32 người tham gia, chia làm 32 kỳ. Bà Đ chơi 05 chưng. Hụi mãn ngày 30/8/2022 âm lịch. Bà Đ hốt lần thứ nhất vào ngày 30/9/2019, ra lời 670.000 đồng, hốt được 38.150.000 đồng; hốt lần hai vào ngày 30/02/2020, ra lời 780.000 đồng, hốt được 37.590.000 đồng; hốt lần ba vào ngày 30/4/2020, ra lời 810.000 đồng, hốt được 36.280.000 đồng; hốt lần thứ tư vào ngày 30/8/2020, ra lời 870.000 đồng, hốt được 38.600.000 đồng; hốt lần thứ năm vào ngày 30/11/2020, ra lời 500.000 đồng, hốt được 37.000.000 đồng. Tổng cộng hốt được 187.620.000 đồng.

Số lần hụi chết bà Đ không đóng là 10 lần x 05 chưng x 2.000.000 đồng = **100.000.000 đồng** (Một trăm triệu đồng)

3/ Dây hụi thứ ba và thứ tư: Hụi 2.000.000 đồng, mở hụi ngày 20/3/2020 âm lịch, có 25 người tham gia, chia làm 25 kỳ. Ngày khui 02 lần, 25 người tham gia giống nhau. Bà Đ chơi dây thứ ba là 04 chưng và dây thứ tư là 03 chưng. Hụi mãn ngày 20/01/2022 âm lịch. Bà Đ hốt 04 chưng của dây thứ ba với tổng số tiền 123.555.000 đồng và hốt 03 chưng của dây thứ tư với tổng số tiền 82.790.000 đồng. Tổng cộng hốt được của dây ba và dây bốn 208.345.000 đồng.

Số lần hụi chết bà Đ không đóng là 09 lần x 07 chưng x 2.000.000 đồng = **126.000.000 đồng** (Một trăm hai mươi sáu triệu đồng).

4/ Dây hụi thứ năm: Hụi 2.000.000 đồng, mở hụi ngày 05/9/2020 âm lịch, có 34 người tham gia, chia làm 34 kỳ. Bà Đ chơi 03 chưng. Hụi mãn ngày 05/10/2023 âm lịch. Bà Đ hốt lần thứ nhất vào ngày 05/12/2020, ra lời 860.000 đồng, hốt được 36.350.000 đồng; hốt lần hai vào ngày 05/02/2021, ra lời 850.000 đồng, hốt được 38.050.000 đồng; hốt lần ba vào ngày 05/3/2021, ra lời 860.000 đồng, hốt được 37.270.000 đồng. Tổng cộng hốt được 111.670.000 đồng.

Số lần hụi chết bà Đ không đóng tính đến khi mãn hụi ngày 05/10/2023 âm lịch là 24 lần x 03 chưng x 2.000.000 đồng = **144.000.000 đồng** (Một trăm bốn mươi bốn triệu đồng).

Khi các hụi viên hốt hụi thì bà Ánh được tiền hoa hồng mỗi lần là 1.000.000 đồng. Tổng số tiền hụi 05 dây hụi, 18 phần bà Đ hốt là 633.245.000 đồng. Sau khi hốt hụi xong thì bà Đ không đóng hụi chết lại cho bà A. Tổng số tiền hụi chết bà Đ còn nợ là 400.000.000 đồng, sau đó bà Đ có trả dần cho bà A được 06 lần mỗi lần 7.000.000 đồng với tổng số tiền là 42.000.000 đồng, còn lại 358.000.000 đồng thì ngưng. Bà A có đến đòi nhiều lần thì bà Đ trả lời hết khả năng, không chịu trả và yêu cầu bà A giảm bớt cho bà Đ 200.000.000 đồng, nếu bà A đồng ý thì bà Đ tiếp

tục trả tiền cho bà A. Bà A không đồng ý do đây là tiền hụi bà Đ còn thiếu của các hụi viên. Bà Đ nói "Nếu bớt con trả dần bớt vài tháng và con bán được nhà sẽ trả nợ cho dì" và sau đó bà Đ né tránh, cắt, chặn số điện thoại của bà A, bà A nhiều lần đến nhà thì bà Đ lẩn tránh. Ngày 19/4/2022 bà A đã làm đơn gửi đến tổ hòa giải khóm B, phường G và Công an phường G để nhờ chính quyền địa phương giải quyết. Ngày 22/7/2022 tổ hòa giải mời bà Đ lên giải quyết nhưng bà Đ không đến dự. Bà A yêu cầu Toà án giải quyết: Buộc bà Huỳnh Thị Bích Đ trả cho bà A số tiền hụi còn nợ là 358.000.000 đồng, bà A không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bà A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bốn dây hụi từ dây thứ nhất đến dây thứ tư. Đối với dây hụi thứ năm thì chỉ yêu cầu bà Đ trả tiền hụi tới tháng 4/2023 âm lịch, do hụi đến tháng 10/2023 âm lịch mới mãn, theo đó yêu cầu bà Đ trả tiền hụi chết tính đến tháng 4/2023 âm lịch là 18 kỳ x 3 chưng x 2.000.000 đồng = 108.000.000 đồng. Tổng cộng 05 dây hụi bà Đ còn nợ là 364.000.000 đồng. Tuy nhiên nay bà A chỉ yêu cầu bà Đ trả cho bà A 158.000.000 đồng tiền hụi, lý do là bà A cũng đồng ý giảm cho bà Đ 200.000.000 đồng và bà Đ đã trả được 06 lần, mỗi lần 7.000.000 đồng với tổng số tiền là 42.000.000 đồng, nên chỉ yêu cầu trả 158.000.000 đồng tiền hụi, không yêu cầu bà Đ trả tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ.

– Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Huỳnh Thị Bích Đ, nhưng bà Đ không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà A và bà Đ cũng không đến tham gia phiên hòa giải cũng như tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa, nguyên đơn, người làm chứng Lâm Thu L, Huỳnh Thị M, Dương Thị Ngọc Đ chấp hành đúng pháp luật, tuy nhiên sự chấp hành pháp luật của bị đơn và người làm chứng Tô Thị Hồng K chưa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho bị đơn bà Huỳnh Thị Bích Đ và người làm chứng Tô Thị Hồng K nhưng bà Đ, bà K vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Đ, bà K. Theo đơn khởi kiện bà A yêu cầu bà Đ trả tiền hụi 358.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bà A thay đổi yêu cầu khởi kiện, theo đó chỉ yêu cầu bà Đ trả số tiền nợ hụi 158.000.000 đồng. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Huỳnh Thị A về việc yêu cầu bà Huỳnh Thị Bích Đ trả tiền nợ của 05 dây hụi, tổng cộng 358.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào năm 2019 bà A có mở 05 dây hụi do bà làm chủ hụi. Việc chơi hụi có lập danh sách hụi viên (từ bút lục 35 đến 39). Tuy việc giao, nhận tiền hốt hụi, đóng hụi giữa bà A với bà Đ không có làm biên nhận, chỉ có bà A tự ghi sổ sách (từ bút lục 13 đến 17) và những người làm chứng là những người có tham gia chơi 05 dây hụi trên gồm: Bà Nguyễn Thị M, Dương Thị Ngọc Đ, Lâm Thu L, Tô Thị Hồng K trình bày không biết cụ thể số tiền bà Đ còn nợ hụi bà A bao nhiêu, nhưng đều xác nhận bà Đ có tham gia chơi 05 dây hụi nêu trên của bà A và việc bà A giao tiền hốt hụi cho các hụi viên đều không có làm giấy tờ, (bút lục 59, 63, 67, 71). Do đó có căn cứ cho rằng bà Đào có tham gia chơi 05 dây hụi do bà A làm chủ hụi gồm:

[2.1] *Dây hụi thứ nhất:* Hụi 2.000.000 đồng, mở hụi ngày 10/4/2019 âm lịch, có 33 người tham gia, chia làm 33 kỳ. Bà Đ chơi 03 chưng. Hụi mãn ngày 10/4/2022 âm lịch. Bà Đ hốt lần thứ nhất vào ngày 10/5/2019, ra lời 620.000 đồng, hốt được 43.780.000 đồng; hốt lần hai vào ngày 10/8/2019, ra lời 750.000 đồng, hốt được 38.750.000 đồng; hốt lần ba vào ngày 10/12/2019, ra lời 830.000 đồng, hốt được 43.080.000 đồng. Tổng cộng hốt được 125.610.000 đồng. Số lần hụi chết bà Đ không đóng là 05 lần x 03 chưng x 2.000.000 đồng = **30.000.000 đồng** (Ba mươi triệu đồng).

[2.2] *Dây hụi thứ hai:* Hụi 2.000.000 đồng, mở hụi ngày 30/9/2019 âm lịch, có 32 người tham gia, chia làm 32 kỳ. Bà Đ chơi 05 chưng. Hụi mãn ngày 30/8/2022 âm lịch. Bà Đ hốt lần thứ nhất vào ngày 30/9/2019, ra lời 670.000 đồng, hốt được 38.150.000 đồng; hốt lần hai vào ngày 30/02/2020, ra lời 780.000 đồng, hốt được 37.590.000 đồng; hốt lần ba vào ngày 30/4/2020, ra lời 810.000 đồng, hốt được 36.280.000 đồng; hốt lần thứ tư vào ngày 30/8/2020, ra lời 870.000 đồng, hốt được 38.600.000 đồng; hốt lần thứ năm vào ngày 30/11/2020, ra lời 500.000 đồng, hốt được 37.000.000 đồng. Tổng cộng hốt được 187.620.000 đồng. Số lần hụi chết bà Đ không đóng là 10 lần x 05 chưng x 2.000.000 đồng = **100.000.000 đồng** (Một trăm triệu đồng)

[2.3] *Dây hụi thứ ba và thứ tư:* Hụi 2.000.000 đồng, mở hụi cùng ngày 20/3/2020 âm lịch, có 25 người tham gia, chia làm 25 kỳ. Ngày khui 02 lần, 25 người tham gia giống nhau. Bà Đ chơi dây thứ ba là 04 chưng và dây thứ tư là 03 chưng. Hụi mãn ngày 20/01/2022 âm lịch. Bà Đ hốt 04 chưng của dây thứ ba với tổng số tiền 123.555.000 đồng và hốt 03 chưng của dây thứ tư với tổng số tiền 82.790.000 đồng. Tổng cộng hốt được của dây ba và dây bốn 206.345.000 đồng. Số lần hụi chết bà Đ không đóng là 09 lần x 07 chưng x 2.000.000 đồng = **126.000.000 đồng** (Một trăm hai mươi sáu triệu đồng).

[2.4] *Dây hụi thứ năm:* Hụi 2.000.000 đồng, mở hụi ngày 05/9/2020 âm lịch, có 34 người tham, chia làm 34 kỳ. Bà Đ chơi 03 chưng. Hụi mãn ngày 05/10/2023 âm lịch. Bà Đ hốt lần thứ nhất vào ngày 05/12/2020, ra lời 860.000 đồng, hốt được 36.350.000 đồng; hốt lần hai vào ngày 05/02/2021, ra lời 850.000 đồng, hốt được 38.050.000 đồng; hốt lần ba vào ngày 05/3/2021, ra lời 860.000 đồng, hốt được 37.270.000 đồng. Tổng cộng hốt được 111.670.000 đồng. Số lần hụi chết bà Đ

không đóng tính đến tháng 04/2023 âm lịch là 18 lần x 03 chưng x 2.000.000 đồng = **108.000.000 đồng** (Một trăm lẻ tám triệu đồng).

[3] Xét thấy, đối với bốn dây hụi (từ dây thứ nhất đến dây thứ tư), hụi đã mãn nên việc bà A yêu cầu bà Đ trả tổng số tiền hụi chết phải đóng tổng cộng 256.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi sáu triệu đồng) là có căn cứ. Đối với dây hụi thứ năm do đến tháng 10/2023 âm lịch mới mãn, nên số lần hụi chết bà Đ không đóng tính đến tháng 04/2023 âm lịch là 18 lần x 03 chưng x 2.000.000 đồng = 108.000.000 đồng (Một trăm lẻ tám triệu đồng). Tổng cộng 05 dây hụi mà Đ đã tham gia và hốt hụi nhưng không đóng hụi chết cho bà Ánh nêu trên tổng cộng 364.000.000 đồng (Ba trăm sáu mươi bốn triệu đồng).

[4] Những người làm chứng thừa nhận khi hốt hụi thì bà A có giao tiền hụi đầy đủ cho các hụi viên. Xét thấy, theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự thì hụi là hình thức giao dịch về tài sản theo tập quán trên cơ sở thoả thuận giữa một nhóm người tập hợp nhau lại cùng định ra số người, thời gian, số tiền hoặc tài sản khác, thể thức góp hoặc lĩnh hụi. Việc xác lập giao dịch hụi giữa bà A với bà Đ là tự nguyện, các bên tham gia giao dịch đủ năng lực hành vi, mục đích và nội dung giao dịch không trái quy định của pháp luật nên việc góp hụi nêu trên là hợp pháp theo quy định tại các Điều 117, 118, 400, 401, 471 của Bộ luật Dân sự. Trong quá trình thực hiện giao dịch hụi, bà Đ đã hốt hụi nhưng không thực hiện nghĩa vụ đóng tiền hụi, còn nợ lại tổng cộng 05 dây hụi với số tiền 364.000.000 đồng, bà A phải đóng thay tiền hụi của bà Đ để trả cho các hụi viên khác, nên đã gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà A. Do đó, việc bà A yêu cầu bà Đ trả số tiền hụi còn nợ là phù hợp với quy định tại Điều 16, Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường. Mặt khác đến ngày 25/9/2021 bà Ánh và bà Đào có chốt nợ hụi, có chữ ký của bà Đào thì có thể hiện nội dung *"..Tiền M thiếu kiểm H tổng tiền hụi là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng), kiểm H giảm cho 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), mỗi tháng phải gửi cho kiểm H 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng)..."* (bút lục 33). Bà A trình bày bà Đ đã trả cho bà A 06 lần (từ tháng 09/2021 đến tháng 02/2022) theo thoả thuận, mỗi lần 7.000.000 đồng, tổng cộng 42.000.000 đồng thì ngưng đến nay. Tại phiên toà, bà A chỉ yêu cầu bà Đ trả số tiền hụi đã giảm còn 200.000.000 đồng, sau khi trừ 06 lần bà Đ đã trả được cho bà A là 42.000.000 đồng, nên chỉ yêu cầu bà Đ trả tiền hụi tổng cộng 158.000.000 đồng.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Đ có nội dung bà A khởi kiện yêu cầu bà Đ trả số tiền nợ hụi nêu trên, nhưng bà Đ không có văn bản trình bày ý kiến và cũng không phản đối những tình tiết, sự kiện do bà A xuất trình, nên căn cứ vào các tài liệu chứng cứ trên và quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định bà Đào có nợ tiền hụi của bà A và việc bà A chỉ yêu cầu bà Đ trả số tiền nợ hụi 158.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi chậm thực hiện nghĩa vụ là có lợi cho bà

Đ, không trái với quy định của pháp luật và có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn bà Đ phải chịu 7.900.000 đồng án phí sơ thẩm đối với yêu cầu của bà A được chấp nhận. Nguyên đơn bà A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229, khoản 2 Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280, khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 117, Điều 118, Điều 400, Điều 401, Điều 471 Bộ luật Dân sự; Điều 16, Điều 24 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hoi, hụi, biêu, phường; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị A.

Buộc bà Huỳnh Thị Bích Đ trả cho bà Huỳnh Thị A số tiền nợ hụi 158.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tám triệu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Huỳnh Thị A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Huỳnh Thị Bích Đ không trả số tiền trên, thì bà Huỳnh Thị Bích Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2/ Về án phí sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Bích Đ phải chịu 7.900.000 đồng (Bảy triệu chín trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị A không phải chịu án phí sơ thẩm. Bà Huỳnh Thị Ánh là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm. Như vậy án phí sơ thẩm đối với bà Huỳnh Thị Á đã được xử lý xong.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- Các đương sự;
- VKSND TPST;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Chiêm Ngọc Linh